

Bản án số: 22/2020/DS-PT.

Ngày 29/4/2020.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Ông Đặng Văn Quyết.

- Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLPT-DS ngày 18/02/2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2020/DS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Gi có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐ-PT ngày 19/3/2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 15/TB ngày 31/3/2020 và Thông báo về việc tiếp tục mở phiên tòa số 17/TB ngày 16/4/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thùy L, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn K, huyện Lạng Gi, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Hoàng Thị Bích L1, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Số 9, đường Hoàng Văn Th, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Thượng, xã Cảnh H, huyện Tiên D, tỉnh Bắc N.

Người đại diện theo ủy quyền, đồng thời là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Ông Nguyễn Mạnh H– Luật sư, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn số 1 Bắc Ninh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc N (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Thượng, xã Cảnh H, huyện Tiên D, tỉnh Bắc N.

2. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).
3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980. (có mặt).

Đều cư trú: Thôn Ngọc Sơn, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Gi, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu Hòa Bình, phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc N.

5. Anh Nguyễn Công Q, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Thượng, xã Cảnh H, huyện Tiên D, tỉnh Bắc N.

Người đại diện theo ủy quyền của chị B, anh Q: Ông Nguyễn Mạnh Hùng, sinh năm 1960; HKTT: Phường Suối Hoa, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N (có mặt).

- ***Người kháng cáo:*** Ông Nguyễn Công Đ - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*** *Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung cùng những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Đoàn Thị Thùy L trình bày:*** Xuất phát từ quan hệ quen biết, nên ngày 20/3/2016 bà có cho ông Nguyễn Công Đ vay 500.000.000đ, để làm ăn kinh tế trong gia đình, khi vay có viết giấy biên nhận, thỏa thuận miệng lãi xuất 1,5%/01 tháng, khi vay ông Đ có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 0288/QSDĐ/2394/QĐ/CT do UBND huyện Lạng Gi cấp ngày 17/11/2003 tại thửa số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.493,1m² mang tên người sử dụng là hộ ông Nguyễn Công Đ tại thôn Việt Hương, xã Hương Sơn, huyện Lạng Gi, tỉnh Bắc Giang, ngày 01/10/2015 được UBND huyện Lạng Gi đính chính tại trang 4 là thôn Ngọc Sơn, xã Quang Thịnh; hẹn đến ngày 20/6/2016 ông Đ sẽ trả hết tiền gốc và lãi. Nhưng từ đó đến nay ông Đ vẫn chưa trả bà đồng nào, nay bà yêu cầu ông Đ, bà B phải có trách nhiệm trả bà 500.000.000đ tiền gốc và 103.750.000đ tiền lãi xuất, tổng cộng cả gốc và lãi là 603.750.000đ. Nếu ông Đ, bà B không trả thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mà ông Đ đã thế chấp cho bà.

Ông Nguyễn Công Đ cho rằng vợ chồng ông đã vay hộ bà hai lần tiền:

- Lần 1: Theo hợp đồng ngày 11/11/2016 Ngân hàng VP Bank chi nhánh Bắc Giang, có thế chấp nhà đất của hộ ông Đ, cả hai vợ chồng ký trực tiếp, ngân hàng đã cho vợ chồng ông vay cá nhân tiêu dùng, số tiền là 450 triệu đồng và lãi suất. Khế ước nhận nợ với ngân hàng là 164 triệu đồng. Tổng là 614 triệu đồng.

- Lần 2: Theo hợp đồng vay tín chấp ngày 17/11/2016 và khế ước nhận nợ tại ngân hàng VP bank, theo yêu cầu của bà cần vay thêm ông Đ đã đề nghị ngân hàng chuyển vào tài khoản của tôi số 109078597 tại VP Bank số tiền là 62.100.000đ.

Tổng cộng số tiền ông Đ nài ra là vay hộ bà và yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ trả nợ bà là: 676.100.000đ. Bà không đồng ý vì không hề có việc bà nhờ ông Đ vay hộ và nợ ông số tiền như ông Đ trình bày.

Bà L lý giải cụ thể như sau:

Khoảng năm 1998, bà làm công nhân tại Công ty cổ phần xi măng Hương Sơn (nay là Công ty cổ phần xi măng Bắc Giang) nên có quen ông Nguyễn Công Đ khi đó là Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hương Sơn.

Năm 2015, chồng bà chết; Năm 2016 giữa bà và ông Đ phát sinh mối quan hệ tình cảm, kể từ đó ông Đ thường xuyên ăn ở tại nhà bà. Cũng vì có mối quan hệ tình cảm như vậy nên bà đã tin tưởng, nhiều lần cho ông Đ vay tiền và nghe ông Đ đi vay tiền của người khác hộ ông Đ.

Hiện nay, tổng số tiền mà ông Đ chưa trả bà lên đến là 930 triệu đồng. Trong số tiền vay đó có 500 triệu đồng tiền gốc và lãi suất bà đang kiện đòi mà Tòa án đang giải quyết và 430 triệu đồng ông Đ nhờ bà vay của vợ chồng anh chị Sáng - Nghiệp. Số tiền 430 triệu đồng này ông Đ có giấy cam kết nhận và trả nợ cho vợ chồng anh Sáng - Nghiệp nên bà đã thống nhất với anh chị Sáng - Nghiệp sẽ khởi kiện trong vụ án khác, tôi không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với khoản tiền 450 triệu đồng vợ chồng ông Đ vay theo hợp đồng ngày 11/11/2016 với Ngân hàng VP Bank Chi nhánh Bắc Giang là tiền ông Đ thanh toán tiền hàng cho bà trên cơ sở Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng, bà không vay vợ chồng ông Đ số tiền này. Việc ông Đ vay Ngân hàng để thanh toán tiền vật liệu xây dựng cho bà thì ông Đ phải trả lãi và gốc cho Ngân hàng là điều đương nhiên nên bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Đ.

Ngày 02/11/2016, ông Đ có ký kết với bà một Hợp đồng kinh tế với nội dung ông Đ (Bên A) mua của bà (Bên B) các mặt hàng xi măng, gạch đặc, sắt Tico... Tổng giá trị hợp đồng là 575 triệu đồng. Trong đó ông Đ đã đặt cọc cho bà trước 125 triệu đồng. Số tiền mua hàng còn lại là 450 triệu đồng ông Đ thanh toán cho tôi bằng hình thức chuyển khoản. Cụ thể:

Ngày 11/11/2016, ông Đ có lập ủy nhiệm chi đề nghị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh tỉnh Bắc Giang chuyển số tiền 450 triệu đồng từ tài khoản của ông Đ đến tài khoản số: 109078597 của bà mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh tỉnh Bắc Giang để trả tiền mua vật liệu xây dựng cho bà theo Hợp đồng nêu trên. Số nguyên vật liệu theo hợp đồng là bà mua hộ ông Đ. Hợp đồng này đến nay đã thực hiện xong và hai bên không có tranh chấp gì. Sau khi rút tiền ở Tài khoản ra, bà đã chi trả toàn bộ số tiền này, do thời gian đã lâu nên bà không nhớ cụ thể.

Trước đây tại cơ quan điều tra bà khai là bà rút 450 triệu trả cho chị Loan số tiền 300 triệu đồng mà bà vay hộ ông Đ và đưa cho ông Đ 150 triệu đồng là do bà nhớ nhầm. Số tiền 450 triệu đồng bà khẳng định là số tiền ông Đ trả cho bà do mua nguyên vật liệu.

Đối với số tiền ông Đ cho rằng đã chuyển vào tài khoản của bà số 109078597 tại VP Bank là 62.100.000đ là không đúng. Bà không hề được nhận và cũng không vay của ông Đ số tiền này. Nếu ông Đ cho rằng bà đã được nhận hoặc vay số tiền này thì phải xuất trình Giấy biên nhận vay tiền hoặc bằng chứng về việc bà và ông Đ đã thỏa thuận về việc bà nhờ ông ta vay hộ số tiền 62.100.000đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi 676.100.000đ là một số tiền lớn và cả hai vợ chồng ông Đ đều ký kết hợp đồng vay tại Ngân hàng thì không có lý do gì nếu cho bà vay tiền mà vợ chồng ông Đ lại không yêu cầu bà viết giấy biên nhận vay tiền. Hơn nữa, số tiền đó ông Đ, bà B phải vay Ngân hàng và hàng tháng phải trả lãi thì không có lý do gì ông bà lại không yêu cầu bà phải trả lãi suất cho Ngân hàng hoặc trả trực tiếp cho ông Đ hàng tháng để ông Đ trả cho Ngân hàng. Mặt khác, nếu bà vay của ông Đ 676.100.000đ thì không có lý do gì ông lại không đối trừ vào khoản vay 500 triệu đồng và khoản vay 430 triệu đồng bà cho vay và vay hộ ông Đ. Đồng thời, nếu bà vay tiền ông Đ và ông Đ không nợ tiền bà thì tại sao sau khi giải ngân ở Ngân hàng và xóa thế chấp ông Đ lại phải đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 240547 do Ủy ban nhân dân huyện Lạng Gi cấp ngày 17/11/2003 cho bà giữ.

Nếu ông Đ cho rằng bà vay và nợ ông số tiền 676.100.000đ thì đề nghị ông Đ phải xuất trình giấy biên nhận vay tiền hoặc bằng chứng về việc bà và ông Đ đã thỏa thuận về việc bà nhờ ông Đ vay hộ tiền Ngân hàng và bằng chứng về việc bà đã trả lãi cho Ngân hàng.

Do bà không được vay và cũng không thỏa thuận vay tiền của ông Đ, việc ông Đ vay Ngân hàng là để thanh toán tiền mua bán vật liệu xây dựng cho bà thì ông Đ phải trả lãi và gốc cho Ngân hàng là điều đương nhiên, bà không có trách nhiệm trả hay bù trừ số tiền 676.100.000đ vào số tiền ông Đ vay bà (500 triệu đồng). Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Đ.

Vì vậy, bà đề nghị buộc ông Nguyễn Công Đ phải hoàn trả cho bà số tiền vay gốc 500 triệu đồng và lãi suất của số tiền này với mức lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày đến hạn trả là ngày 20/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Công Đ đối với số tiền 676.100.000đ.

*** Bị đơn ông Nguyễn Công Đ trình bày:** Ông có quan hệ tình cảm với bà Đoàn Thị Thùy L từ đầu năm 2016, do tin tưởng nên ông đã nhiều lần cho bà L mượn tiền để kinh doanh, lo cho con đi du học nước ngoài, ngoài ra bà L còn vay mượn tiền của rất nhiều người, nhiều lần nói với ông là do khó khăn nên không có khả năng trả nợ, đe dọa tự tử, nhờ ông giúp bằng cách nhận nợ thay hoặc viết giấy vay tiền của bà L, cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để bà L nói chủ nợ giãn nợ, ông đã giúp bà L và làm theo yêu cầu của bà L. Nay do tình cảm không còn bà L đã sử dụng chính những giấy tờ giả mạo đó để khởi kiện đòi tiền ông. Ông đã có đơn trình báo gửi tới Công an Bắc Giang để điều tra làm rõ. Ngày

20/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Thông báo số 518 chuyển đơn của ông đến Công an huyện Lạng Gi.

Ông Đ trình bày yêu cầu phản tố và bù trừ nghĩa vụ:

Lần 1. Theo hợp đồng ngày 11/11/2016 Ngân hàng VP bank chi nhánh Bắc Giang, có thể chấp nhà đất của hộ ông Đ, cả hai vợ chồng ký trực tiếp, Ngân hàng đã cho vợ chồng ông vay cá nhân tiêu dùng (do vậy khi giải ngân không có hóa đơn VAT), số tiền là 450.000.000đ, theo lãi xuất theo các khế ước nhận nợ với Ngân hàng là ông và vợ ông ký.

- Theo yêu cầu của bà L ông làm thủ tục thế chấp (sổ đỏ của hộ ông Đ) để bảo lãnh vay hộ bà L số tiền trên do vậy vợ chồng ông đã đề nghị Ngân hàng chuyển tiền thông qua ủy nhiệm chi chuyển vào tài khoản của bà L số: 109078597 tại Ngân hàng trên theo Ủy nhiệm chi ngày 11/11/2016 người nhận tiền vay là bà Đoàn Thị Thùy L, ông trực tiếp ký vào ủy nhiệm chi để chuyển tiền cho bà L theo hợp đồng vay số 10152058 chuyển tiền hàng.

Do ông có thân quen với bà L, bà L đã về nhà ông vài lần do bà L nhờ vợ chồng ông vay hộ số tiền để cho con đi Nhật, ông và vợ ông có ký thế chấp (sổ đỏ) của gia đình ông ở Lạng Giang để ngân hàng VP bank chi nhánh Bắc Giang và chuyển Ủy nhiệm chi vào tài khoản của bà L mở, cho bà L vay tiền 450.000.000đ. Sau khi vay xong một thời gian vợ ông mới biết là ông có quan hệ tình ái với bà L, dẫn đến bà L không trả nợ cho vợ chồng ông, vợ chồng ông phải trả nợ thay bà L cho Ngân hàng, vợ chồng ông đã thanh toán gốc 450.000.000đ + lãi và phạt theo khế ước Ngân hàng cung cấp là 164.000.000đ.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán do vậy yêu cầu Tòa án buộc bà L có nghĩa vụ trả vợ chồng ông số tiền trên.

Lần 2. Theo hợp đồng vay tín chấp ngày 17/11/2016 và khế ước nhận nợ tại Ngân hàng VP bank chi nhánh Bắc Giang, cho ông vay tín chấp tài khoản của ông 109894338, theo yêu cầu của bà L cần vay thêm tiền, ông đã đề nghị Ngân hàng chuyển vào tài khoản của bà L số 109078597 tại Ngân hàng VP bank chi nhánh Bắc Giang số tiền là 62.100.000đ, số tiền này bà L đã rút để chi tiêu, đến nay không trả cho ông, để cho ông phải trả cho Ngân hàng trên.

Hiện nay bà L còn nợ ông hai khoản là: 614.000.000đ + 62.100.000đ = 676.100.000đ. Bà L hiện đang khởi kiện ông là bị đơn, do vậy ông khởi kiện phản tố lại với bà L để đối trừ nghĩa vụ số tiền trên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị B xác nhận toàn bộ lời trình bày của ông Nguyễn Công Đ. Hiện nay bà L còn nợ chồng bà hai khoản là: 614.000.000đ + 62.100.000đ = 676.100.000đ. Theo thông báo của Tòa án thì bà L có đơn khởi kiện ông Đ có ký giấy vay bà L 500.000.000đ + Lãi 103.750.000đ = tổng 603.750.000đ. Bà L hiện đang khởi kiện chồng bà là bị đơn, do vậy chồng bà khởi kiện phản tố lại với bà L để đối trừ nghĩa vụ số tiền trên.

- Anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị H thống nhất trình bày: Vợ chồng anh chị có nhà ở sát liền kề với đất của ông Đ; ngày 02/4/2018 vợ chồng anh chị có làm hợp đồng đặt cọc để mua đất của ông Nguyễn Công Đ, khi đó ông Đ thỏa thuận bán lô đất thửa số 43 tờ bản đồ số 3, diện tích 1.493,1m² đã được UBND huyện Lạng Gi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0288/QSDĐ/2394/QĐ/CT ngày 17/11/2003 mang tên người sử dụng là hộ ông Nguyễn Công Đ tại thôn Ngọc Sơn, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Gi, tỉnh Bắc Giang. Giá ông Đ bán là 1.480.000.000đồng. Hiện tại, gia đình anh chị đã đưa trả trực tiếp cho vợ chồng ông Đ và con rể ông Đ cùng có mặt là 600.000.000đồng. Số tiền còn lại anh chị hẹn ông Đ trong vòng 2 tháng ông Đ mang sổ bìa đỏ lên sẽ ra xã chuyển nhượng thì anh chị sẽ trả nốt, từ đó ông Đ không lên. Việc vay mượn tiền giữa ông Đ với bà L như thế nào anh chị không biết. Việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2018 cấm ông Đ chuyển dịch lô đất này anh chị không có ý kiến gì, để sau này việc mua bán giữa vợ chồng anh chị và gia đình ông Đ sẽ tự thỏa thuận.

- Chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Công Q, do ông Nguyễn Mạnh Hùng, đại diện theo ủy quyền trình bày: Các anh chị là con đẻ ông Đ, bà B. Vào thời điểm tháng 7 năm 1999 bố mẹ anh chị huy động tiền vốn của cả gia đình để mua thửa đất trên của ông Lê Văn Sủi, ở thôn Việt Hương, xã Hương Sơn, huyện Lạng Gi. Đến năm 2003 được UBND huyện Lạng Gi cấp GCNQSDĐ ngày 17/11/2003 thời điểm đó chị Nguyễn Thị B đã 20 tuổi và anh Nguyễn Công Q đã 13 tuổi, trước đó anh chị cùng bố mẹ (ông Đ và bà B) có nhiều công lao, phần lớn số tiền cùng mua thửa đất trên có được là do gia đình anh chị bán đất nông nghiệp, bao gồm cả phần định xuất ruộng của hai chị em anh chị.

Hiện nay, bà L còn nợ bố anh chị số tiền 676.100.000đồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã quyết định:

* Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471; 474; 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011. Điều 357; 463; 466; 468; 688 Bộ luật Dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thùy L; buộc gia đình ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm liên đới thanh toán trả bà Đoàn Thị Thùy L 500.000.000đ tiền gốc và 141.100.000đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 641.100.000đ (sáu trăm bốn một triệu một trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Công Đ đòi bà Đoàn Thị Thùy L trả 676.100.000đ.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2018 để đảm bảo việc thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lỗi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 11/11/2019, ông Nguyễn Công Đ là bị đơn kháng cáo, ông Đ được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã vi phạm về tố tụng và nội dung vụ án. Bản án sơ thẩm buộc ông phải trả bà L 500.000.000đồng là không có căn cứ vì giao dịch đã bị vô hiệu. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông dẫn đến gây thiệt hại về tài sản của gia đình ông là 617.464.731 đồng.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hoàng Thị Bích L1 vẫn giữ nguyên cầu khởi kiện. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Mạnh H không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị buộc ông Đ, bà B phải trả cho bà L số tiền 641.100.000đồng. Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Đ. Việc bà L cho ông Đ vay là hoàn toàn tự nguyện các bên không hề có sự ép buộc, lừa dối. Việc ông Đ giao nhận hàng theo hợp đồng kinh tế đã đầy đủ theo giấy ngày 11/11/2016 đã được ngân hàng thẩm định, bà L đứng ra mua hàng hộ ông Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L xin rút đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đề nghị Tòa án hủy áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “cấm thực hiện hành vi nhất định” của Tòa án nhân dân huyện Lạng Gi. Nguyên đơn đồng ý đối trừ cho bị đơn số tiền 61.200.000đồng ngày 17/11/2016 và xin rút yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ, việc ông Đ, bà B ký hợp đồng tín dụng vay tiền hộ bà L là có thật. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng, không xác minh làm rõ việc ông Đ có nợ tiền bà L hay không để đưa ra quyết định không đảm bảo quyền lợi cho ông Đ. Theo yêu cầu của ngân hàng thì giữa ông Đ và bà L có ký khống hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng. Bản chất không bao giờ có việc ông Đ vay tiền thật của bà L, đề nghị hủy án để làm rõ từng mối quan hệ, không có việc ông Đ nợ tiền bà L, cũng không có việc mua bán vật liệu xây dựng như bà L trình bày.

* Chị Vũ Thị H, anh Nguyễn Văn T trình bày: Việc ký hợp đồng đặt cọc giữa anh chị và gia đình ông Đ sẽ tự giải quyết, không liên quan đến việc vay nợ giữa bà L và ông Đ nên không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố

tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS; Điều 309; khoản 2 Điều 148 BLTTDS sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lạng Gi: buộc ông Đ, bà B có trách nhiệm liên đới thanh toán trả bà L 500.000.000đ tiền gốc và 141.100.000đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 641.100.000đ;

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ đòi bà L trả 150.000.000đ + 62.100.000đ và tiền lãi từ ngày 11/11/2016 đến nay.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2018 để đảm bảo việc thi hành án.

Ông Nguyễn Công Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn là bà Đoàn Thị Thùy L vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Hoàng Thị Bích L1; Bị đơn là ông Nguyễn Công Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Bích, anh Nguyễn Công Q vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh Hùng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung cùng những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Đoàn Thị Thùy L khởi kiện đòi tiền với ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1959, Nơi cư trú: Thôn Thượng, xã Cảnh H, huyện Tiên D, tỉnh Bắc N số tiền vay 500.000.000đ, khi vay có viết giấy biên nhận, ông Đ có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 0288/QSDĐ/2394/QĐ/CT do UBND huyện Lạng Gi cấp ngày 17/11/2003 tại thửa số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.493,1m² mang tên người sử dụng là hộ ông Nguyễn Công Đ tại thôn Ngọc Sơn, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Gi, tỉnh Bắc Giang. Do đó, bà L khởi kiện lựa chọn nơi thực hiện hợp đồng và nơi có bất động sản tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Lạng Gi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm c khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lạng Gi thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.2]. Xét yêu cầu hủy án sơ thẩm của đại diện theo ủy quyền của ông Đ vì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng, điều tra xác minh chưa đầy đủ, không xem xét bản chất của vụ án, tuyên án bất lợi cho bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, tại cấp phúc thẩm bà L là đại diện theo ủy quyền của bà L đã xin rút đơn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên cấp phúc thẩm cần hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này.

Đối với yêu cầu hủy án vì lý do thu thập chứng cứ không đầy đủ, không xem xét bản chất của vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, thì không có căn cứ Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên không có căn cứ hủy án theo yêu cầu của bị đơn.

[2.1]. Về nội dung kháng cáo không đồng ý trả tiền cho bà L và yêu cầu phản tố của ông Đ: Xuất phát từ quan hệ tình cảm, nên ngày 20/3/2016 bà L có cho ông Đ vay 500.000.000đ, để làm ăn kinh tế trong gia đình, khi vay có viết giấy biên nhận, không thỏa thuận lãi xuất, hẹn đến ngày 20/6/2016 ông Đ sẽ trả hết tiền, nhưng từ đó ông Đ không trả bà L đồng nào, nay bà L yêu cầu ông Đ, bà B phải trả cho bà L 500.000.000đ tiền gốc và tiền lãi xuất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm thời gian là 34 tháng. Phía ông Đ cho rằng bà L còn nợ ông Đ hai khoản là: 614.000.000đ + 62.100.000đ = 676.100.000đ.

[2.2]. Xét thấy, ngày 20/3/2016 bà Đoàn Thị Thùy L có cho ông Nguyễn Công Đ vay 500.000.000đ, mục đích để kinh doanh hẹn đến ngày 20/12/2016 trả hết tiền; khi vay ông Đ có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L. Ngày 30/8/2016 ông Đ đã viết giấy và mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà L để thế chấp vay vốn Ngân hàng, hẹn ngày 30/5/2018 sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L. Sau khi mượn được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà L, ông Đ không thế chấp để vay vốn Ngân hàng mà ngày 31/8/2016 ông Đ, bà B đã lập Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất này cho anh Hoàng Duy Đồng, chị Đặng Thị Ngọc với giá 200.000.000đ, có chứng thực của UBND xã Quang Thịnh; ngày 14/12/2016 ông Đ, bà B cùng anh Đồng, chị Ngọc đã lập thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng trên có chứng thực của UBND xã Quang Thịnh. Tiếp đó ngày 11/11/2016 ông Đ đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để vay tiền tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Bắc Giang, ngày 03/4/2018 ông Đ đã xóa thế chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà L. Ngày 02/4/2018 ông Đ, bà B đã dùng bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, làm hợp đồng đặt cọc bán thửa đất này cho anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị H với giá 1.210.000.000đ, ông Đ đã nhận 600.000.000đ của anh T, chị H.

[2.3]. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ thừa nhận có ký vay tiền và còn nợ bà L 500.000.000đ tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền ngày 20/3/2016 là đúng nhưng ông cho rằng ông viết giấy vay tiền là bị ép ký, nhưng ông không có tài liệu chứng cứ về việc ông bị bà L ép ký và ông Đ cho rằng bà L còn nợ ông Đ hai khoản tiền là: $614.000.000đ + 62.100.000đ = 676.100.000đ$, do vậy ông Đ có yêu cầu phản tố để đòi trừ nghĩa vụ phải trả tiền cho bà L.

[2.4]. Ông Đ yêu cầu bà L phải trả ông Đ 676.100.000đ, ông cho rằng vợ chồng ông vay hộ bà L nhưng ông Đ không đưa ra được căn cứ xác định bà L có vay mượn tiền của ông Đ và hiện bà L còn nợ ông Đ số tiền 450.000.000đ. Các tài liệu do ngân hàng cung cấp thể hiện có việc vợ chồng ông Đ vay tiền ngân hàng và ủy nhiệm chi vào tài khoản của bà L, nhưng bà L không thừa nhận là tiền vay mà là tiền ông Đ chuyển trả vào hợp đồng mua bán đã ký kết giữa ông Đ, bà L ký ngày 02/11/2016, chứng cứ này phù hợp với trình bày của bà L. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của ông Đ không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ đối với số tiền 450.000.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông Đ, bà B phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả bà L 500.000.000đ tiền gốc và lãi xuất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2017 đến nay là có căn cứ.

[2.5] Lãi xuất được tính như sau:

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 34 tháng

$500.000.000đ \times 0,83\% \times 34 \text{ tháng} = 141.100.000đ$

Tổng cộng tiền lãi xuất là 141.100.000đ; Tổng cộng cả gốc và lãi xuất là 641.100.000đ (sáu trăm bốn mươi một triệu, một trăm nghìn đồng).

[2.6]. Đối với yêu cầu phản tố số tiền 62.100.000đ ông Đ chuyển khoản cho bà L ngày 17/11/2016, Tòa cấp sơ thẩm chỉ thu thập tài liệu việc chuyển số tiền này là bản phô tô, không phải là bản gốc hay bản sao mà bác yêu cầu của ông Đ về số tiền này và xem xét đây là nguồn tài liệu chứng cứ để chứng minh là vi phạm, cần rút kinh nghiệm về nội dung này. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà L xác nhận có nhận số tiền trên từ việc ông Đ chuyển khoản và đồng ý đòi trừ cho ông Đ nên cần đòi trừ cho ông Đ khoản tiền này, nhưng số tiền chuyển khoản này không phải là số tiền vay nợ, các bên không có thỏa thuận gì về lãi suất nên không có căn cứ tính lãi số tiền này.

Do vậy, sau khi đòi trừ cần buộc ông Đ, bà B phải trả cho bà L tổng số tiền: $641.100.000đ - 62.100.000đ = 579.000.000đ$.

[2.6]. Đối với hợp đồng đặt cọc để mua bán đất giữa gia đình chị H, anh T với gia đình ông Đ; quá trình điều tra và tại phiên tòa chị H, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết, mà để hai gia đình tự giải quyết sau, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.7] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà L: việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ cho bà L không tuân thủ trình tự thủ tục thế chấp, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị không giải quyết tài sản thế chấp, do vậy không xem xét giải quyết.

[2.8]. Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm dịch chuyển về tài sản đối với thửa đất của ông Đ là chưa chính xác. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn đã xin rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do vậy, Hội đồng xét xử cần hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2.9]. Những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm: Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu buộc ông Đ, bà B phải trả cho bà số tiền đã vay. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên buộc gia đình ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị B là không rõ ràng, gây khó khăn cho việc thi hành án, nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, cần sửa án sơ thẩm về nội dung này. Ông Đ sinh ngày 20/4/1959; bà B sinh ngày 4/4/1959. Tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ông Đ, bà B đều đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi, được miễn án phí. Nhưng phần quyết định của bản án chỉ tuyên miễn án phí cho ông Đ, mà lại không tuyên miễn án phí cho bà B là không đúng.

Phần quyết định của bản án sơ thẩm quyết định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành chưa xong thì phải chịu lãi xuất theo mức lãi 10%/năm đối với khoản tiền chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán mà không tuyên là phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, là không đúng hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về việc viện dẫn căn cứ pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ án: Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã viện dẫn Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011 để giải quyết vụ án là không chính xác, vì chỉ có Bộ luật dân sự năm 2005, không có Bộ luật dân sự năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2011. Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về những nội dung trên.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Công Đ, sửa bản án sơ thẩm.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Công Đ. Sửa bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; 147; 228; 235; khoản 2 Điều 244; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 471; 474; 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 357; 463; 466; 468; 688 Bộ luật Dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thùy L đối với ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị B.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Công Đ yêu cầu bà Đoàn Thị Thùy L trả 450.000.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Công Đ yêu cầu bà Đoàn Thị Thùy L trả số tiền 62.100.000đồng.

- Buộc ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả bà Đoàn Thị Thùy L tổng số tiền là 579.000.000đồng (năm trăm bảy mươi chín triệu đồng).

2. Hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

2/ Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị B.

- Hoàn trả bà Đoàn Thị Thùy L 14.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004440, ngày 20/4/2018 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006544, ngày 08/6/2018;

- Hoàn trả ông Nguyễn Công Đ 15.522.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0007137, ngày 26/ 4/2019 đều tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

- Ông Nguyễn Công Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết khác cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Lạng Gi;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Gi;
- Các đương sự;
- Công tt điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết Phạm Thị Minh Hiền

Trần Thị Hà

